

Số: 377/2020/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 27 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 359/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 của người yêu cầu:

- Ông Trần T - Sinh năm: 1986

- Bà Đoàn Thị V - Sinh năm: 1987

Cùng địa chỉ: Phòng 212 Chung cư E, đường D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đoàn Thị V và ông Trần T kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2014, quyển số 01/2014 đăng ký ngày 23/7/2014. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Phòng 212 Chung cư E, đường D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Nguyên nhân mâu thuẫn là: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm và ngày càng xảy ra xung đột.

Tại phiên giải, ông T và bà V đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Trần T và bà Đoàn Thị V là hoàn toàn tự nguyện, do đó căn cứ Điều

55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thỏa thuận ly hôn của ông T và bà V.

[2] *Về con chung*: Ông T và bà V xác định có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Trần Ngọc Gia B - Sinh ngày: 12/9/2017 cho bà Đoàn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng và ông Trần T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.0000 đồng (Hai triệu đồng)/ 01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2020 và vào ngày 05 hàng tháng. Xét thỏa thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn của ông T và bà V là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Trần T và bà Đoàn Thị V xác định vợ chồng không có.

[4] *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình*: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Đoàn Thị V và ông Trần T mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà Đoàn Thị V và ông Trần T đã nộp theo biên lai thu số 0001458 ngày 29/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[5] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn lập ngày 19 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần T và Bà Đoàn Thị V thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2014, quyển số 01/2014 đăng ký ngày 23/7/2014 tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng).

- *Về con chung*: Bà Đoàn Thị V và ông Trần T xác định có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Trần Ngọc Gia B- Sinh ngày: 12/9/2017 cho bà Đoàn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng và ông Trần T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.0000 đồng (Hai triệu đồng)/ 01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2020 và vào ngày 05 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Đoàn Thị V có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì ông Trần T phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Đoàn Thị V và ông Trần T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Đoàn Thị V và ông Trần T xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Đoàn Thị V và ông Trần T mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà Đoàn Thị V và ông Trần T đã nộp theo biên lai thu số 0001458 ngày 29/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Khuê Trung;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Tuyền